

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/DS-PT

Ngày: 10-3-2022

“V/v tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Ông Đặng Văn Nhữn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2021/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp Đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 174/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Bà L chết ngày 23/8/2021.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L:

Ông Phạm Văn H, sinh năm 1945

Ông Huỳnh Tấn B, sinh năm 1964

Anh Huỳnh Công P, sinh năm 1999

Anh Huỳnh Công P1, sinh năm 2004

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Anh Huỳnh Bửu T, sinh năm 1993

Địa chỉ hiện nay: Số bưu điện 256-0816, tỉnh K, huyện O, (Nhật Bản).

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, anh T, anh Phôi và anh Phi: Ông Huỳnh Tấn B, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:* Bà Đỗ Thị Huyền N, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Ấp A1, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 9 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L trình bày: bà và bà S có thiết lập quan hệ mua bán, hui và vay tiền, cụ thể như sau:

Bà là chủ quán bán tạp hóa, bà S là vợ ông H có mua hàng hóa tại tiệm của bà từ năm 2012 đến cuối năm 2018 còn nợ số tiền là 4.500.000đồng, sự việc này có ghi vào sổ sách ghi tên người mua là vợ 4 Hùng (4 Hùng là ông H chồng bà S), sổ do bà tự ghi và quản lý, không có chữ ký của bà S hoặc của ông H.

Năm 2014, bà có chơi hui dùm bà S 02 dây hui, 01 dây hui loại 500.000đồng và 01 dây hui loại 2.000.000đồng do bà Đỗ Thị Huyền N làm chủ thảo, đối với dây hui 500.000đồng thì bà S còn nợ lại 07 tháng hui chết với số tiền là 3.500.000đồng và dây hui 2.000.000đồng còn nợ lại 08 tháng tiền hui chết với số tiền là 16.000.000đồng, tổng cộng là 19.500.000đồng.

Năm 2015, bà cho bà S vay số tiền 1.000.000đồng, không làm giấy nhận nợ, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là vài ngày, mục đích vay là để xoay sở việc gia đình.

Sau nhiều lần nhắc nhở nhưng bà S không thanh toán các khoản nợ nêu trên nên bà và bà S thống nhất viết Giấy mượn tiền với nội dung bà S còn nợ bà khoản tiền là 25.000.000đồng, từ ngày 08/01/2017 đến 08/10/2018 bà S trả.

Tuy nhiên, bà S vẫn không thực hiện đúng thỏa thuận trả tiền nên nay bà khởi kiện yêu cầu buộc bà S trả lại cho bà toàn bộ khoản tiền mua bán, hui và vay còn nợ là 25.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu ông H là chồng bà S có trách nhiệm liên đới cùng bà S trả cho bà toàn bộ khoản tiền này.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc S trình bày: bà thừa nhận có mua hàng hóa và hui tại còn nợ lại bà L 500.000đồng chứ không phải 4.500.000đồng như bà L nêu. Mặt khác, bà cũng thừa nhận có nhờ bà L chơi dùm 02 phần hui gồm 01 phần hui loại 500.000đồng và 01 phần hui loại 2.000.000đồng. Thời gian chơi hui không nhớ chính xác, tiền hui bà L tự sử dụng mà không có giao cho bà nhưng vẫn bắt bà đóng hui chết. Hiện 02 phần hui này đã kết thúc, đối với phần hui 500.000đồng bà đóng hui chết đầy đủ, không còn nợ bà L khoản tiền nào, đối với phần hui 2.000.000đồng thì bà còn nợ lại 03 tháng hui chết là 6.000.000đồng nhưng bà không đồng ý trả tiền cho bà L mà yêu cầu người nào mà lúc trước đóng hui sống cho bà đến nhà bà lấy tiền hui chết chứ không đồng ý trả cho bà L.

Bà không thừa nhận có vay số tiền 1.000.000đồng của bà L vào năm 2015 như bà L trình bày.

Bà không có viết “Giấy mượn tiền” với nội dung thừa nhận có nợ bà L 25.000.000đồng và hẹn “ngày 08/01/2017 tới 08/10/2018 trả” như bà L trình bày. Do đó, bà không đồng ý trả lại số tiền 25.000.000đồng như bà L yêu cầu, bà chỉ còn nợ bà L số tiền là 500.000đồng tiền mua bán nên chỉ đồng ý trả 500.000đồng. Bà không đồng ý với Kết luận giám định số 186/2021/KLGD ngày 12/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An, nhưng không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định lại. Giấy vay tiền mà bà L cung cấp cho Tòa án là bà L lấy giấy nợ cũ vào năm 2007 và sửa lại để đi kiện bà nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H trình bày: ông là chồng của bà S, vợ chồng kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và hiện tại còn chung sống với nhau. Ông thống nhất với phần trình bày của bà S, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L vì vợ chồng ông hoàn toàn không có vay của bà L bất cứ khoản tiền nào. Nay ông chỉ đồng ý cùng bà S liên đới trả cho bà L 500.000đồng tiền mua bán còn nợ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/4/2021, người làm chứng bà Đỗ Thị Huyền N trình bày: Khoảng năm 2014, bà L có tham gia 01 dây hụi loại 500.000đồng và 01 dây hụi loại 2.000.000đồng, đã đóng và hốt hụi đầy đủ. Trong quá trình chơi hụi, bà L hốt hụi đầu và sau đó hay đóng hụi chết trễ hạn, bà góp ý thì bà L có nói rằng 02 dây hụi này bà L chơi hụi dùm bà S và bà L có dẫn bà S đến gặp bà 02 lần để xác nhận.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà Phạm Thị Kim L về việc “Tranh chấp đòi tài sản” đối với bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Nguyễn Ngọc H.
2. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Nguyễn Ngọc H liên đới hoàn trả cho bà Phạm Thị Kim L số tiền còn nợ là 25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng).
3. Về chi phí giám định: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Nguyễn Ngọc H liên đới hoàn trả cho bà Phạm Thị Kim L số tiền chi phí giám định là 6.000.000đồng.
4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.
5. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Nguyễn Ngọc H liên đới chịu 1.250.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Phạm Thị Kim L 625.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008975 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức.

Ngày 26/4/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không thừa nhận có nợ bà L 25.000.000đồng, chỉ đồng ý trả 500.000đồng tiền mua hàng và 6.000.000đồng tiền hụi chết, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Phản tranh luận:

Bà S trình bày: Bà L lấy nợ cũ mà bà đã trả rồi nhưng bà L không xé bỏ giấy nợ để kiện tiếp. Thực tế bà S không nợ bà L số tiền 25.000.000đồng, chỉ đồng ý trả 500.000đồng tiền mua hàng và 6.000.000đồng tiền hụi chết chưa đóng.

Ông B là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L trình bày: ông không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà S đề nghị giữ y án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kháng cáo của bà S đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Bà S kháng cáo không đồng ý trả cho bà L 25.000.000đồng vì cho rằng không có mượn số tiền này. Tại kết luận giám định số 186/2021/KLGĐ ngày 12/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận chữ ký và chữ viết trong giấy nợ là của bà S, do đó có cơ sở xác định bà S có nợ bà L 25.000.000đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà S thừa nhận có nợ 25.000.000đồng nhưng cho rằng đã trả xong vào năm 2018 nên không đồng ý trả nữa. Việc trả tiền của bà S không có chứng cứ chứng minh và không được bên bà L thừa nhận nên không có cơ sở xác định bà S đã trả tiền cho bà L. Sương cũng thừa nhận từng mua hàng hóa của bà L để sinh sống cho gia đình và cũng thừa nhận có nhờ bà L chơi hụi dùm nhưng chỉ còn nợ bà L số tiền 500.000đồng chứ không phải 25.000.000 đồng như bà L trình bày. Bà S không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả tiền cho bà L, vì vậy bà S và chồng bà là ông H phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ trên cho bà L. Do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà S, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc S đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo bà S không đồng ý trả cho bà L số tiền 25.000.000đồng vì cho rằng bà đã trả hết nợ cho bà L, chỉ còn nợ 500.000đồng tiền mua hàng và 6.000.000đồng tiền hụi chết nhưng không đồng ý đóng tiền hụi chết cho bà L mà yêu cầu người nào mà lúc trước đóng hụi sống cho bà thì đến nhà bà lấy tiền hụi chết. Xét thấy:

[2.1] Chứng cứ bà L yêu cầu bà S trả số tiền 25.000.000đồng là tờ giấy mượn tiền (bút lục 41) có chữ ký của bà Nguyễn Thị Ngọc S. Quá trình giải quyết vụ án bà S không thừa nhận chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Thị Ngọc S trong giấy mượn tiền là của bà. Căn cứ Kết luận giám định số 186/2021/KLGĐ ngày 12/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An (bút lục 45, 46) kết luận: Chữ ký và chữ viết “Nguyễn Thị Ngọc S” ở mục “người nhận tiền” trên tờ “giấy mượn tiền” với chữ ký và chữ viết “Nguyễn Thị Ngọc S” ở dưới mục “Các đương sự tham gia phiên họp”, trên tờ “Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ” và tờ “Biên bản hòa giải”; chữ ký và chữ viết “Nguyễn Thị Ngọc S” ở mục “Người khai” trên tờ “Biên bản lấy lời khai của đương sự” là do cùng một người ký và viết ra. Vì vậy có cơ sở xác định chữ ký trên giấy mượn tiền là của bà S. Tại phiên tòa sơ thẩm bà S cho rằng vào năm 2007 bà có viết giấy mượn tiền nhưng năm 2008 đã trả đủ cho bà L không còn nợ

nần gì nhưng bà S không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên nên không có căn cứ xác định bà S đã trả xong nợ cho bà L.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà S thừa nhận có mua hàng hóa và hiện tại còn nợ lại bà L 500.000đồng chứ không phải 4.500.000đồng như bà L nêu. Bà S cũng thừa nhận có nhờ bà L chơi dùm 02 phần hui gồm 01 phần hui loại 500.000đồng và 01 phần hui loại 2.000.000đồng. Hiện 02 phần hui này đã kết thúc, đối với phần hui 500.000đồng bà đóng hui chết đầy đủ, không còn nợ bà L khoản tiền nào, đối với phần hui 2.000.000đồng thì bà còn nợ lại 03 tháng hui chết là 6.000.000đồng nhưng không đồng ý trả tiền cho bà L. Tại phiên tòa phúc thẩm bà S trình bày chỉ còn nợ bà L 500.000đồng tiền mua hàng và 6.000.000đồng tiền hui chết chưa đóng và đồng ý trả cho bà L 6.500.000đồng. Như vậy, lời trình bày của bà S tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bất nhất.

[2.3] Từ những nhận định và chứng cứ trên có cơ sở xác định bà S có nợ bà L 25.000.000đồng, chưa trả. Do đó án sơ thẩm buộc bà S và ông H phải trả cho bà L 25.000.000đồng là có căn cứ. Bà S kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S, chấp nhận đề nghị của bà Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án.

[2.4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu thi hành kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.5] Từ những cơ sở trên không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà S phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc S;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

Căn cứ vào Điều 166, 463, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà Phạm Thị Kim L về việc “Tranh chấp đòi tài sản” đối với bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Nguyễn Ngọc H.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Nguyễn Ngọc H liên đới hoàn trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Kim L gồm ông

Phạm Văn H, Huỳnh Tấn B, Huỳnh Công P, Huỳnh Công P1, Huỳnh Bửu T số tiền còn nợ là 25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

3. Về chi phí giám định: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Nguyễn Ngọc H liên đới hoàn trả cho bà Phạm Thị Kim L số tiền chi phí giám định là 6.000.000đồng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Nguyễn Ngọc H liên đới chịu 1.250.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Phạm Thị Kim L 625.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008975 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà S đã nộp theo biên lai thu số 0009731 ngày 26/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Đức tỉnh Long An.

7. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

8. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Phúc

